

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC VỚI DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Nguyễn Hữu Năng

Trường Đại học Văn Lang
Email: nangvhu@gmail.com

Article history

Received: 10/3/2023

Accepted: 29/3/2023

Published: 20/4/2023

Keywords

Enterprises, activities, training cooperation, private universities, management situation

ABSTRACT

In the policy of training human resources and fostering talents for the cause of industrialization and modernization, the Party and Government always pay great attention to the training quality of higher education institutions, in which the promotion of co-training programs between higher education institutions and enterprises is one of the important measures to implement this policy. The study investigates and analyzes the current situation of co-training between a number of private universities and enterprises in Ho Chi Minh City. The survey results show that the joint training activities were conducted at an average level by both sides; Considering the overall 6 areas of the training process, the results regarding the private universities were better than that of the business side. Accordingly, the author makes some recommendations to improve the effectiveness of cooperation between stakeholders in human resource training. This is an inevitable requirement based on the educational principle: "Learning goes hand in hand with practice, education with productive labor".

1. Mở đầu

Đến những năm đầu của thế kỉ XXI, vấn đề xã hội hóa giáo dục nói chung, giáo dục đại học (ĐH) nói riêng đã được Đảng và Nhà nước quan tâm. Tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 về việc đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, Chính phủ đã khuyến khích thành lập trường ĐH trong các tập đoàn, các doanh nghiệp (DN) lớn nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực, tạo ra sự gắn kết giữa nhà trường và DN. Trong định hướng phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, Chính phủ cũng đề nghị tăng cường quan hệ của nhà trường với DN, với xã hội; huy động trí tuệ và nguồn lực của toàn ngành, toàn xã hội vào việc đổi mới nội dung, chương trình, thực hiện giáo dục toàn diện (Chính phủ, 2005). Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, với các phân tích liên quan đến chất lượng, hiệu quả GD-ĐT còn thấp so với yêu cầu mà nguyên nhân chính là hệ thống GD-ĐT thiếu tính liên thông, thiếu sự gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế của thị trường lao động đã thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo gắn liền phát triển GD-ĐT với nhu cầu phát triển của thị trường lao động, với DN phù hợp với quy luật khách quan. Chuyển phát triển GD-ĐT từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu thị trường lao động (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Năm 2016 được Chính phủ lựa chọn là "Năm Quốc gia khởi nghiệp". Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020 cũng xác định: "Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ DN khởi nghiệp, DN đổi mới sáng tạo" là một trong những nhiệm vụ trọng tâm (Chính phủ, 2016). Để đạt được thành công trong nhiệm vụ quốc gia này, không chỉ cá nhân, DN mà rất cần thiết cho mọi tổ chức bao gồm cả trường ĐH phải liên kết, hợp tác với nhau nhằm phát huy lợi thế của mỗi bên hỗ trợ nhau cùng phát triển (Chính phủ, 2016).

Những năm qua, giáo dục ĐH của Việt Nam đã phát triển nhanh về quy mô, đa dạng về loại hình đào tạo, ngành đào tạo. Đề sinh viên (SV) sau khi được đào tạo đáp ứng được yêu cầu của tổ chức, DN, đặc biệt là để tránh hiện tượng mất cân đối về cung - cầu nhân lực chất lượng cao, Nhà nước đã có chủ trương khuyến khích các trường ĐH liên kết với DN trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ... (Bộ GD-ĐT, 2017). Trong liên kết đào tạo giữa nhà trường và DN, nhà trường đóng vai trò là đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm chính trong đào tạo như thực hiện nội dung, chương trình, chất lượng đào tạo, cấp bằng cho người được đào tạo... DN đóng vai trò là đơn vị phối hợp, hỗ trợ chịu trách nhiệm về tổ chức, quản lí, phục vụ cho quá trình đào tạo, sử dụng sản phẩm đào tạo... Quan hệ hợp tác giữa trường ĐH và DN là quan hệ biện chứng tương hỗ vì lợi ích của cả hai phía cũng như lợi ích chung của toàn xã hội. Từ mỗi liên kết này, các trường ĐH ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra những

“sản phẩm” được trải nghiệm hoạt động thực tiễn. Về phía DN, lâu dài sẽ tận dụng được nguồn nhân lực chất lượng cao, ổn định, góp phần đưa họ vững vàng trong cạnh tranh và vươn lên trong hội nhập. Tuy nhiên, trên thực tế việc hợp tác giữa các trường ĐH và DN ở nước ta vẫn còn nhiều bất cập, về cả số lượng, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ cũng như chuyên giao nhân lực... Những tồn tại bất cập này xuất phát từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bài báo phân tích thực trạng hoạt động liên kết đào tạo của một số trường ĐH tư thục với DN tại TP. Hồ Chí Minh. Đây cũng chính là cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

- Theo Luật Giáo dục ĐH, cơ sở giáo dục ĐH là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng. Trường ĐH, học viện là cơ sở giáo dục ĐH đào tạo, nghiên cứu nhiều ngành, được cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật Giáo dục ĐH (Quốc hội, 2018). Mục tiêu chung của giáo dục ĐH là: đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu sự nghiệp phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân (Quốc hội, 2018).

- *Trường ĐH tư thục* là cơ sở giáo dục ĐH do nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động... (Quốc hội, 2018). Trường ĐH tư thục là trường mà quyền sở hữu và hoạt động thuộc về khu vực tư nhân, có nghĩa là nguồn tài trợ của trường ĐH đến từ học phí và các khoản đầu tư (Demeter et al., 2012). Trường ĐH tư thục là trường ĐH hoạt động dưới sự quản lý của một tổ chức tư nhân chủ yếu bằng học phí do SV trả, đầu tư của chủ sở hữu và đóng góp của các nhà hảo tâm (Mamaqi & Olave, 2011).

- *Liên kết đào tạo*. Theo quy định ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ GD-ĐT “Liên kết đào tạo là sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo với cơ sở giáo dục phối hợp đào tạo hoặc cơ sở giáo dục đặt lớp đào tạo để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học” (Bộ GD-ĐT, 2017). Theo Đỗ Thị Thanh Toàn (2018): “quan hệ liên kết, hợp tác giữa trường ĐH và DN” là tất cả mọi hình thức tương tác trực tiếp hay gián tiếp, có tính chất cá nhân hay tổ chức giữa trường ĐH và các DN nhằm hỗ trợ lẫn nhau vì lợi ích của cả hai: hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển, kích thích sự vận động năng động qua lại của CBQL, giảng viên, người học và các nhà chuyên môn đang làm việc tại các DN; thương mại hóa các kết quả nghiên cứu; xây dựng chương trình đào tạo; tổ chức học tập suốt đời; hỗ trợ các nỗ lực sáng nghiệp và quản trị tổ chức.

Theo Đinh Văn Toàn (2016), hợp tác giữa ĐH - DN là xu hướng phổ biến trên thế giới. Hợp tác ĐH - DN được hiểu như sự tương tác, giao dịch giữa cơ sở giáo dục ĐH với các DN để mang lại lợi ích cho các bên, có tác động tích cực tới hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển trong ĐH và khai thác tối ưu nguồn lực của các bên. Theo Trần Anh Tài và Trần Văn Tùng (2009) cho rằng, hợp tác với các trường ĐH trong nghiên cứu và phát triển sẽ giúp các DN giảm chi phí nghiên cứu, mở rộng phạm vi hoạt động, mở ra nhiều hướng phát triển, đổi mới công nghệ, hoặc giải quyết các bài toán về công nghệ và môi trường mà thực tiễn đặt ra với khoảng thời gian ngắn, chi phí hợp lý, đội ngũ chuyên gia giỏi.

2.2. Tổ chức khảo sát

Để đánh giá thực trạng hoạt động liên kết đào tạo của trường ĐH tư thục với DN tại TP. Hồ Chí Minh, tác giả tiến hành khảo sát các ý kiến của 2 nhóm đối tượng (1) Phía các trường ĐH (Trường ĐH Kinh tế - Tài chính; Trường ĐH Văn Lang; Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng; Trường ĐH Văn Hiến), khảo sát 52 CBQL thuộc Ban Giám hiệu và cán bộ khoa và 354 giảng viên, nhân viên, tổng số là 406 người; (2) Phía các DN trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, bao gồm: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (CNS); Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp bao bì Visingspack; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn xây dựng SINO (SPCC); Công ty Cổ phần sữa Vinamilk; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) - khảo sát 67 quản lý, chuyên gia.

Phương pháp khảo sát chính là điều tra bằng bảng hỏi qua hai hình thức: gửi phiếu hỏi trực tiếp và gửi gián tiếp qua Google Forms. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 bậc: Không tốt/Không tác động/Kém: $1.00 \leq \text{điểm trung bình (ĐTB)} \leq 1.79$; Bình thường/Ít tác động/Yếu: $1.80 \leq \text{ĐTB} \leq 2.59$; Khá/Tác động bình thường/Trung bình: $2.60 \leq \text{ĐTB} \leq 3.39$; Tốt/Tác động khá mạnh/Khá: $3.40 \leq \text{ĐTB} \leq 4.19$; Rất tốt/Tác động mạnh/Tốt: $4.20 \leq \text{ĐTB} \leq 5.00$.

Kết quả khảo sát được tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý thông tin từ việc nhập liệu các phiếu điều tra. Phân tích số liệu thống kê bằng: Phân tích mô tả (Descriptives): để tính ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) của mỗi biến quan sát; So sánh trung bình t-test: so sánh giá trị của ĐLC mẫu với trung bình số liệu của các đối tượng trả lời cùng một câu hỏi. Thời gian khảo sát: năm học 2021-2022.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Thực trạng liên kết với doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh

Bảng 1. Hoạt động xây dựng kế hoạch tuyển sinh

Xây dựng kế hoạch tuyển sinh	Trường ĐH			DN		
	N	ĐTB	ĐLC	N	ĐTB	ĐLC
Thông tin ngành nghề	406	2.60	.628	67	2.48	.503
Thông tin nhu cầu số lượng, chất lượng nguồn nhân lực	406	2.93	.842	67	2.85	.821
Phân tích lao động việc làm ở các ngành nghề	406	2.49	.574	67	2.40	.494
Xác định chỉ tiêu tuyển sinh	406	2.12	.747	67	2.00	.651
ĐTB chung		2.53			2.43	

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, có hai vấn đề đặt ra: thứ nhất, kết quả liên kết đào tạo trong khâu xây dựng kế hoạch tuyển sinh giữa trường ĐH tư thục và DN ở mức độ “yếu” và sự chênh lệch hai bên không cao, phía DN thấp hơn so với trường ĐH tư thục.; thứ hai, sự liên kết đào tạo trong khâu xây dựng kế hoạch tuyển sinh chỉ tập trung về thông tin ngành nghề khi nhà trường yêu cầu thì DN đáp ứng bằng cung cấp thông tin. Có thể thấy, những yếu tố của hoạt động xây dựng kế hoạch tuyển sinh thông qua sự liên kết với DN của các trường ĐH tư thục không được tốt, có 2 biến quan sát nằm ở mức “yếu” (phân tích lao động việc làm ở các ngành nghề có ĐTB là 2.49 và 2.40; và xác định chỉ tiêu tuyển sinh có ĐTB là 2.12 và 2.00). Điều này cho thấy, hiệu quả của việc nắm bắt thông tin ngành nghề và nguồn năng lực của trường ĐH tư thục và sự phối hợp của DN trong việc cung cấp thông tin về ngành nghề và nguồn năng lực giúp nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh ở mức độ thấp, chưa đáp ứng với yêu cầu của tuyển sinh của trường ĐH tư thục đối với đào tạo đáp ứng thị trường lao động.

2.3.2. Thực trạng liên kết với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo

Bảng 2. Hoạt động liên kết với DN xây dựng chuẩn đầu ra (CDR)

Các hoạt động liên kết xác định CDR	Trường ĐH			DN		
	N	ĐTB	ĐLC	N	ĐTB	ĐLC
Xây dựng CDR các ngành đào tạo	406	2.48	.574	67	2.40	.494
Xác lập tiêu chuẩn của CDR	406	3.11	.724	67	3.06	.756
Hoàn thiện CDR	406	2.71	.692	67	2.61	.650
Đưa ra quyết định CDR	406	2.86	.979	67	2.72	.966
ĐTB chung		2.79			2.70	

Các biến quan sát ở bảng 2 cho thấy, biến quan sát “Xác lập tiêu chuẩn của CDR” là có giá trị cao hơn cả (ĐTB là 3.11 và 3.06) mặc dù ở mức độ “trung bình”. Điều này cho thấy, trong quá trình liên kết đào tạo giữa trường ĐH tư thục và DN, các trường ĐH tư thục đã có sự đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động mà nó đang hiện diện ở các DN và việc DN hỗ trợ nhà trường xác lập các tiêu chuẩn của CDR chương trình đào tạo thì trong đó đã có lợi ích của họ. Những biến quan sát khác có ĐTB thấp hơn là bởi vì phía DN không can thiệp sâu và xây dựng CDR của chương trình đào tạo các trường ĐH tư thục và DN, trong đó có yếu tố về nhận thức vai trò của DN trong liên kết đào tạo giữa trường ĐH tư thục với DN.

2.3.3. Thực trạng liên kết với doanh nghiệp để tăng cường cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính

Bảng 3. Hoạt động liên kết bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

Các hoạt động liên kết tăng cường cơ sở vật chất	Trường ĐH			DN		
	N	ĐTB	ĐLC	N	ĐTB	ĐLC
DN được chọn để SV thực hành, thực tập	406	3.80	.917	67	3.06	1.179
Đánh giá cơ sở thực hành tại DN	406	3.15	.780	67	2.99	.788
Thông nhất nội quy, quy định thực hành của SV	406	2.60	.543	67	2.54	.502
Cùng tham gia hướng dẫn thực hành của SV	406	3.19	.916	67	2.75	1.185
ĐTB chung		3.19			2.84	

Kết quả phân tích ở bảng 3 cho thấy: Liên kết với DN để giúp SV thực hiện nhiệm vụ học tập của mình thông qua thực tập ở thực địa và thực tập cuối khóa đã được các trường ĐH tư thục ở TP. Hồ Chí Minh thực hiện. Kết quả đạt được của hoạt động này chỉ ở mức độ “trung bình”. Trong các biến quan sát trên, biến quan sát thể hiện sự thống nhất giữa nhà trường với DN để xây dựng nội quy cho SV thực hành tại DN có kết quả thấp nhất (ĐTB là 2.60 và 2.54). Điều này cho thấy, trong vấn đề quản lý và tổ chức cho SV thực tập tại DN chưa trở thành yêu cầu quan trọng của đào tạo. Qua phỏng vấn SV về chế độ thực hành, thực tập cuối khóa, kết quả cho thấy SV được trường giới thiệu đến DN cụ thể do trường liên hệ trước. Tuy nhiên, một vài khoa của một số trường ĐH còn yêu cầu SV tự liên hệ cơ sở thực tập; khi DN chấp nhận thì trường cấp giấy giới thiệu đến nơi đó để SV hoàn thành nhiệm vụ thực tập của mình. Như vậy, phía trường ĐH chưa coi trọng việc thực hành thực tập của SV, đồng thời cho thấy mối quan hệ lỏng lẻo trong liên kết đào tạo giữa trường và DN, gây thiệt thòi cho SV và chưa phát huy được hiệu quả đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng.

2.3.4. Thực trạng liên kết với doanh nghiệp để hướng dẫn thực hành và nâng cao chất lượng giảng dạy

Bảng 4. Hoạt động liên kết để hướng dẫn thực hành cho SV

Các hoạt động liên kết hướng dẫn thực hành cho SV	Trường ĐH			DN		
	N	ĐTB	ĐLC	N	ĐTB	ĐLC
Chuyên gia DN tham gia hướng dẫn thực hành	406	2.72	1.054	67	2.55	1.004
Chuyên gia DN tham gia giảng dạy môn thực hành	406	3.13	.674	67	2.88	.686
Giảng viên giúp DN bồi dưỡng chuyên sâu	406	2.65	.550	67	2.61	.549
Chuyên gia DN hỗ trợ công nghệ mới	406	2.58	.582	67	2.52	.587
ĐTB chung		2.78			2.64	

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, các hoạt động liên kết giảng dạy thực hành cho SV đã được thực hiện nhưng ở mức trung bình. Trong 04 biến quan sát, biến quan sát cuối cùng, tức là phía nhà trường “Chuyên gia DN hỗ trợ công nghệ mới” chỉ đạt mức yếu (ĐTB là 2,58 và 2,52), nghĩa rằng điều này khó thực hiện. Nhưng việc liên kết trong giảng dạy thực hành thì được DN chấp thuận nên đã có giá trị cao hơn so với các biến quan sát còn lại (ĐTB là 3.13 và 2.88). Cũng như những hoạt động liên kết nói ở các phần trước, hoạt động liên kết trong việc giảng dạy thực hành cho SV được phía DN đánh giá thấp hơn so với đánh giá của trường ĐH.

2.3.5. Thực trạng liên kết với doanh nghiệp trong việc giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm cho sinh viên

Bảng 5. Hoạt động liên kết giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm cho SV

Các hoạt động liên kết giáo dục nghề nghiệp cho SV	Trường ĐH			DN		
	N	ĐTB	ĐLC	N	ĐTB	ĐLC
Xác định nội dung giáo dục nghề nghiệp	406	2.92	.563	67	2.84	.412
Thực hành tham quan cơ sở sản xuất kinh doanh của DN	406	3.60	1.117	67	2.69	1.510
Chuyên gia giới thiệu ngành nghề	406	3.06	.654	67	3.04	.684
Đánh giá nhận thức năng lực nghề nghiệp của SV	406	2.57	.603	67	2.54	.611
ĐTB chung		3.04			2.78	

Theo kết quả ở bảng 5, trong 04 biến quan sát thì 03 biến quan sát có sự chênh lệch trong đánh giá của trường ĐH tư thục và DN không nhiều, chỉ có biến quan sát “Thực hành tham quan cơ sở sản xuất kinh doanh của DN” để giáo dục nghề nghiệp cho SV là chênh lệch nhiều (ĐTB 3.60 so với 2.69). Sự chênh lệch này là do quan niệm, một bên coi việc SV đến các DN để thực tập và thực hành đã bao hàm mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, nhưng phía DN lại cho rằng việc SV được tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh phục vụ cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp là không nhiều, không tính đến việc SV đến thực hành, thực tập tại DN. Đối với biến quan sát cuối cùng, đó là đưa nội dung giáo dục nghề nghiệp vào trong nội dung đánh giá kết quả học tập của SV được cả hai phía đánh giá thấp (ĐTB là 2.57 và 2.54). Việc đưa nội dung nhận thức giáo dục nghề nghiệp vào đánh giá năng lực nghề nghiệp của SV chưa được các trường thực hiện thường xuyên. Điều này có nghĩa rằng, giáo dục nghề nghiệp chưa được các nhà trường quan tâm và còn có nhiều trường chưa đưa nó vào nội dung đào tạo như các học phần khác.

2.3.6. Thực trạng liên kết với doanh nghiệp trong việc đánh giá và đảm bảo chất lượng đầu ra cho sinh viên

Bảng 6. Hoạt động liên kết để đánh giá SV theo CDR

Các hoạt động liên kết đánh giá CDR	Trường ĐH			DN		
	N	ĐTB	ĐLC	N	ĐTB	ĐLC
Xây dựng khung đánh giá năng lực	406	2.74	.492	67	2.70	.493
Xây dựng khung đánh giá thái độ nghề nghiệp	406	2.56	.548	67	2.48	.503

SV thi thực hành tại DN	406	2.97	.779	67	2.85	.783
SV làm khóa luận tốt nghiệp tại DN	406	3.79	.970	67	3.67	.991
ĐTB chung		3.02			2.93	

Theo bảng 6, có 03 biến quan sát được đánh giá ở mức độ trung bình, còn biến quan sát “Xây dựng khung đánh giá thái độ nghề nghiệp” được đánh giá ở mức độ yếu (ĐTB là 2.56 và 2.48). Như vậy, hoạt động liên kết đánh giá chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo đã được thực hiện, mặc dù ở mức độ thấp. Nhưng việc cùng với DN xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực SV tốt nghiệp theo yêu cầu của CĐR thì chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt. Điều này đặt ra yêu cầu đối với các trường ĐH tư thục về xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực người học tiếp cận năng lực nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

2.4. Đánh giá chung về hoạt động liên kết đào tạo của trường đại học tư thục với doanh nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số khuyến nghị

2.4.1. Đánh giá chung về hoạt động liên kết đào tạo của trường đại học tư thục với doanh nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 7. Đánh giá chung về các hoạt động liên kết đào tạo của trường ĐH tư thục và DN

Các hoạt động liên kết đào tạo	Trường ĐH			DN		
	N	ĐTB	ĐLC	N	ĐTB	ĐLC
Tuyển sinh	406	2.44	.460	67	2.34	.348
Xây dựng chương trình đào tạo	406	2.88	.423	67	2.79	.392
Tăng cường cơ sở vật chất, tài chính	406	2.97	.436	67	2.79	.329
Nâng cao chất lượng đào tạo	406	2.92	.332	67	2.72	.344
Giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm	406	3.08	.358	67	2.93	.312
Đánh giá chất lượng đầu ra	406	3.03	.388	67	2.95	.367

Đánh giá qua ĐTB chung của các hoạt động liên kết đào tạo giữa trường ĐH tư thục và DN qua các bảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, có thể thấy, nhìn chung, việc liên kết tăng cường cơ sở vật chất được đánh giá cao nhất ở phía trường ĐH, với ĐTB chung là 3.19. Phía DN đánh giá cao các hoạt động liên kết đánh giá CĐR, với ĐTB chung 2.93. Đồng thời, công tác xây dựng kế hoạch tuyển sinh được cả 2 phía cùng đánh giá thấp nhất với ĐTB chung là 2.53 và 2.43. Ở các hoạt động liên kết giáo dục nghề nghiệp cho SV có sự đánh giá khá chênh lệch giữa trường ĐH và DN, nhất là ở hoạt động “Thực hành tham quan cơ sở sản xuất kinh doanh của DN” được trường ĐH đánh giá ở mức khá (ĐTB là 3,40) nhưng chỉ được phía DN đánh giá ở mức trung bình (ĐTB là 2,69).

Nhìn chung, các hoạt động liên kết được khảo sát đã có nhiều mức độ đánh giá khác nhau. Bảng 7 cho thấy, phần lớn các hoạt động liên kết được đánh giá ở mức trung bình. Riêng liên kết trong hoạt động tuyển sinh được cả hai nhóm đánh giá ở mức dưới trung bình (ĐTB là 2.44 và 2.34). Xét tổng thể 06 lĩnh vực của quá trình đào tạo, sự đánh giá của phía trường ĐH tư thục cao hơn so với đánh giá của phía DN. Thực tế này phản ánh hai vấn đề: hoặc là trường ĐH chủ động yêu cầu được liên kết đào tạo nhưng sự chấp thuận hoặc tham gia quá trình này của DN không đạt được kết quả mong muốn; hoặc là hoạt động liên kết đào tạo giữa trường ĐH tư thục với DN thực hiện không thường xuyên và chưa thống nhất trong tổ chức và quản lý. Cũng có thể về phía trường ĐH tư thục chưa đủ uy tín trong đào tạo và trách nhiệm xã hội nên chưa đủ sức thu hút DN tham gia vào quá trình đào tạo.

2.4.2. Một số khuyến nghị

Trong bối cảnh hiện nay, liên kết đào tạo trở thành nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục ĐH trong việc đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, điều mà các trường ĐH trên thế giới thực hiện từ lâu. Để giáo dục ĐH Việt Nam phát triển và hội nhập quốc tế, vấn đề hợp tác đào tạo và nghiên cứu cần được từng bước giải quyết, trong đó liên kết đào tạo với DN như là một bước khởi đầu cho sự phát triển đó, sự liên kết chặt chẽ giữa nhà trường với DN được xem là một điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của cả hai phía. Tuy vậy, không phải trường ĐH nào cũng có đầy đủ cơ sở thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm cho SV. Đây là một trong những nguyên nhân nảy sinh nhu cầu xã hội hóa công tác đào tạo, đưa quy trình đào tạo dựa vào các cơ quan, DN có cùng lĩnh vực hoạt động phù hợp với nội dung đào tạo để tận dụng ưu thế của các bên. Thực tiễn cho thấy, liên kết đào tạo giữa trường ĐH và DN là mối quan hệ song phương, đem lại lợi ích cho cả hai bên với sự kết nối, chia sẻ và cùng phát triển. Để thực hiện tốt điều này, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị như sau:

- Đối với Chính phủ: Cần có chính sách nhất quán để kết nối 03 thành phần Chính phủ - trường ĐH - DN trong cấu trúc đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc ban hành các văn bản pháp quy để các bên tham gia cùng hướng vào mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Đối với các trường ĐH tư thục, cần phát huy tính tự chủ trong một số lĩnh vực nhằm thúc đẩy liên kết đào tạo và coi đây như là nhiệm vụ sống còn của trường ĐH tư thục. Trong hoạt động liên kết đào tạo với DN, các trường ĐH tư thục phải liên kết với nhau để bổ sung, hoàn thiện hệ thống các ngành nghề mà thị trường lao động yêu cầu.

- Đối với DN: Chủ động tham gia liên kết đào tạo với trường ĐH từ khâu tuyển sinh và trong suốt quá trình đào tạo; hỗ trợ nhân lực, tài lực, vật lực, môi trường thực hành cho SV các trường ĐH; trao đổi, hỗ trợ và tham gia nghiên cứu khoa học cùng trường ĐH, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành trong đào tạo; tiếp nhận và ứng dụng những thành tựu nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất nhằm đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Thông qua đó, DN lựa chọn được nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như quảng bá thương hiệu, hình ảnh, uy tín của DN.

- Đối với các nhà khoa học: cần có những nghiên cứu liên ngành để đánh giá được những tác động xã hội và nhân học, trong đó chú trọng nghiên cứu mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng học tập, cộng đồng lao động, nhu cầu và tâm lý nghề nghiệp của người học đối với đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

3. Kết luận

Qua khảo sát, có thể thấy hoạt động liên kết đào tạo được cả hai phía: các trường ĐH tư thục trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và phía DN đánh giá ở mức trung bình; xét tổng thể 6 lĩnh vực của quá trình đào tạo, sự đánh giá của phía trường ĐH tư thục cao hơn so với đánh giá của phía DN. Trong thời gian tới, để hoạt động liên kết đào tạo của trường ĐH tư thục với DN ở TP. Hồ Chí Minh đạt được kết quả như mong muốn, các trường ĐH tư thục cần chú trọng hơn nữa đến các hoạt động: xây dựng kế hoạch tuyển sinh; liên kết với DN xây dựng CDR; liên kết bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo; liên kết để hướng dẫn thực hành cho SV; liên kết giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm cho SV; liên kết để đánh giá SV theo CDR, nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao do xã hội yêu cầu. Phía DN cũng cần có sự kết nối, hợp tác, chia sẻ, hỗ trợ và đồng hành cùng trường ĐH trong quá trình tuyển sinh, đào tạo và tuyển dụng để mối liên kết đào tạo giữa 2 phía được bền vững vì đây cũng là một hình thức để phát triển DN.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 ban hành quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học.*
- Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao.*
- Chính phủ (2016). *Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.*
- Demeter, P., Paletta, A., Vidoni, D., Mayrhofer, W., Chudzikowski, K., & Alimehmeti, G. (2012). Employability of Graduates and Higher Education Management Systems. In book: *Employability of Graduates and Higher Education Management Systems* (pp.88-272), Chapter: Review of Professional Domains and Analysis of Professional Success of the Graduates. Publisher: University of Ljubljana, Faculty of Social Sciences.
- Đình Văn Toàn (2016). Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh*, 32(4), 69-80.
- Đỗ Thị Thanh Toàn (2018). Liên kết trường đại học và doanh nghiệp - Phương thức nâng cao chất lượng đào tạo. *Tạp chí Giáo dục*, 432, 34-38.
- Mamaqi, X., & Olave, P. (2011). The relationship between employability and training. *World Journal of Engineering and Technology*, 5, 08-27.
- Quốc hội (2018). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.* Luật số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018.
- Trần Anh Tài, Trần Văn Tùng (2009). *Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Viện Ngôn ngữ học (1997). *Từ điển tiếng Việt.* NXB Đà Nẵng.